TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thủ.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: xx Ngguyễn Trung T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2022, ngày 13/9/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Kim Á, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp xx, xã T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và trong quá trình tố tụng người đại diện cho nguyên đơn là ông Phạm Quốc T trình bày: Ngày 29/11/2021, bà Đ có cho bà Phan Thị Kim Á vay số tiền 2.000.000.000đ để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số xx, tờ bản đồ số xx, tọa lạc ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Bà Á hẹn sau hoàn thành thủ tục sẽ trả tiền cho bà Đ nhưng đến nay thủ tục đã hoàn thành và bà Đ nhiều lần yêu cầu bà Á trả nợ nhưng bà Á không trả. Bà Đ yêu cầu bà Á trả số tiền 2.000.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phan Thị Kim Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim Á trả tiền vay còn nợ; hiện bà Á đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Phan Thị Kim Á, ông Đỗ Văn T nhưng bà Á, ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Á, ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 2.000.000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp Giấy mượn tiền ngày 29/11/2021 có nội dung: *"Phan Thị Kim Á... có mượn Nguyễn Thị Đ, SN 19xx số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỉ đồng chẵn). Lý do mượn tiền để công chứng đất thửa số xx tờ bản đố xx tại ấp B.... sau khi ra công chứng xong tôi trả lại số tiền trên"* có chữ ký của bà Á. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt cho bà Á thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà Á không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, có căn cứ xác định hiện bà Á còn nợ số tiền vay của bà Đ. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đồ. Buộc bà Phan Thị Kim Á phải trả số tiền là 2.000.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Đ.

[4] Bà Đ yêu câu ông Đỗ Văn T1 cùng bà Á liên đới trách nhiệm trả nợ cho bà Đ. Xét, theo Giấy mượn tiền ngày 29/11/2021 có nội dung: *"...Lý do mượn tiền để công chứng đất thửa số xx tờ bản đố xx tại ấp B..."*. Bà Đ có cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/11/2021 thể hiện người nhận chuyển nhượng là ông Đỗ Văn T1 bà Phan Thị Kim Á. Như vậy, ông T1 biết được việc bà Á có mượn tiền bà Đ để nhận chuyển nhượng thửa đất số xx, tờ bản đồ số xx. Mặc khác, Trích lục kết hôn ngày 03/4/20xx thể hiện ông T1 và bà Á là vợ chồng hợp pháp được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/7/20xx. Ông T1 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ. Buộc ông Đỗ Văn T1 liên đới cùng bà Á trả cho bà Đ số tiền 2.000.000.000đ.

[5] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Kim Á liên đới cùng ông Đỗ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Đ. Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Phan Thị Kim Á, ông Đỗ Văn T1.

Bà Phan Thị Kim Á và ông Đỗ Văn T1 liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay còn nợ 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Kim Á và ông Đỗ Văn T1 liên đới phải chịu số tiền 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006269 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa